

Làm Chủ Kỹ Năng Tự Giới Thiệu

Bài 01: Tôi là người Nepal.



Lộ trình của bạn hôm nay



Nền tảng 1: Bạn là ai?

Học từ vựng và ngữ pháp để nói về quốc tịch của bạn.



Nền tảng 2: Bạn làm gì?

Học từ vựng và ngữ pháp để giới thiệu nghề nghiệp.



Kết nối Chuyên nghiệp:

Tìm hiểu văn hóa và nghi thức chào hỏi của người Hàn Quốc.



Kiểm tra & Củng cố:

Luyện tập các kỹ năng đã học và tự đánh giá sự tiến bộ.

Công cụ #1: Từ vựng về Quốc tịch



베트남
(Việt Nam)



네팔
(Nepal)



동티모르
(Đông Timor)



필리핀
(Philippines)



태국
(Thái Lan)



중국
(Trung Quốc)



인도네시아
(Indonesia)



미얀마
(Myanmar)

Ngữ pháp Cốt lõi: Công thức để khẳng định và đặt câu hỏi

“입니다” và “입니까?” được dùng trong các tình huống trang trọng, thể hiện sự tôn trọng với người nghe.

Câu khẳng định (Statement)

Mục đích: Dùng để trình bày một sự thật hoặc giới thiệu về chủ ngữ.

[Danh từ] + **입니다.**

Ví dụ: 저는 라오스 사람**입니다.** (Tôi là người Lào.)

Câu nghi vấn (Question)

Mục đích: Dùng để hỏi về một sự thật hoặc thông tin của chủ ngữ.

[Danh từ] + **입니까?**

Ví dụ: 어느 나라 사람**입니까?** (Bạn là người nước nào?)

Vận dụng trong thực tế: Hội thoại Mẫu 1



Madhu

안녕하세요? 마두입니다.

(Xin chào. Tôi là Madhu.)



Madhu

네팔 사람입니다.

(Tôi là người Nepal.)

Agung



어느 나라 사람입니까?

(Bạn là người nước nào?)



Công cụ #2: Từ vựng về Nghề nghiệp



학생
(Học sinh)



회사원
(Nhân viên văn phòng)



근로자
(Người lao động)



의사
(Bác sĩ)



간호사
(Y tá)



요리사
(Đầu bếp)



농부
(Nông dân)

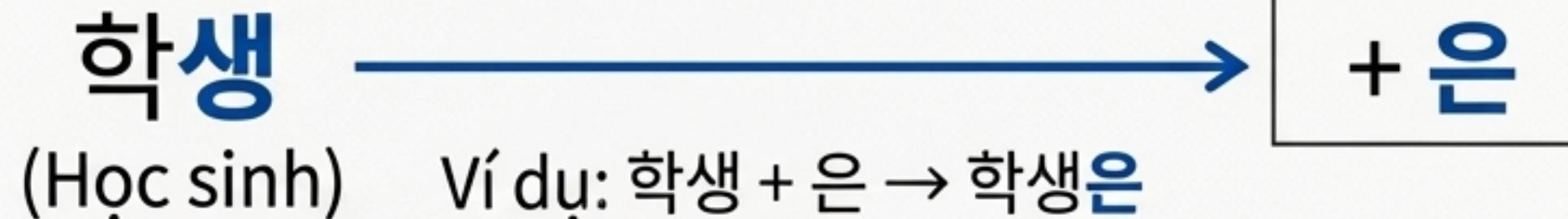


경찰관
(Cảnh sát)

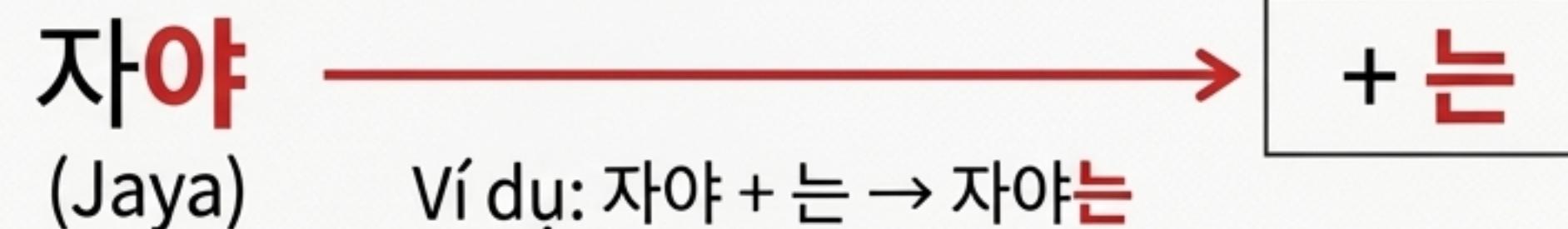
Ngữ pháp Nâng cao: Công thức để nhấn mạnh chủ đề

“은/는” được gắn sau danh từ để chỉ ra rằng danh từ đó là **chủ đề chính** của câu.

Danh từ kết thúc bằng phụ âm (có 받침)



Danh từ kết thúc bằng nguyên âm (không có 받침)



Ví dụ trong câu (Examples in sentences)

- 투안은 목수입니다. (Tuan là thợ mộc.)
- 자하라 씨는 파akistan 사람입니다. (Chị Jahara là người Pakistan.)

Vận dụng trong thực tế: Hội thoại Mẫu 2



Nitchanan

안녕하세요? 저는 닛차난입니다. 태국 사람입니다.

(Xin chào. Tôi là Nitchanan. Tôi là người Thái Lan.)

Carlo



안녕하세요? 저는 칼로입니다. 필리핀 사람입니다.

(Xin chào. Tôi là Carlo. Tôi là người Philippines.)



칼로 씨는 학생입니까?

(Anh Carlo là học sinh phải không?)

아니요. 저는 근로자입니다.



(Không. Tôi là người lao động.)

Kết nối Chuyên nghiệp: Nghệ thuật Chào hỏi Kiểu Hàn

Tôn trọng
(Respect)



Khi chào người lớn tuổi hoặc có địa vị cao, hãy nói “**안녕하세요?**” và cúi đầu hoặc gập lưng. Đây là cử chỉ thể hiện sự tôn trọng.

Thân mật
(Friendliness)



Khi chào người nhỏ tuổi hơn hoặc thân thiết, có thể nói “**안녕?**” và vẫy tay nhẹ để thể hiện sự vui mừng.

Chuyên nghiệp
(Professionalism)



Trong các tình huống trang trọng, thường dùng cách bắt tay. Khi bắt tay với người có địa vị cao hơn, hãy dùng tay trái đỡ lấy cánh tay phải của mình.

Cẩm Nang Giao Tiếp: Các Mẫu Câu Quan Trọng

Hỏi quốc tịch

- Câu hỏi: 어느 나라 사람입니까?
- Trả lời: [Tên nước] 사람입니다.

Hỏi nghề nghiệp

- Câu hỏi: [Tên] 씨는 [Nghề nghiệp]입니까?
- Trả lời (Có): 네, [Nghề nghiệp]입니다.
- Trả lời (Không): 아니요, 저는 [Nghề nghiệp khác]입니다.

Giới thiệu tên

- Mẫu câu: 저는 [Tên]입니다.

Biểu hiện hữu ích

Khi gấp lần đầu: 잘 부탁드립니다. (Rất mong được giúp đỡ / Rất vui được làm việc cùng bạn.)

Thử Thách Của Bạn: Vận Dụng & Đánh Giá

Phần 1: Đọc hiểu



Dựa vào thông tin trên thẻ, chọn đáp án đúng:
히엔 씨는 어느 나라 사람입니까?

1. 베트남 사람입니다.
2. 생일은 5월 10일입니다.
3. 7월에 외국인 등록증을 받았습니다.
4. 서울출입국·외국인청에서 일합니다.

Phần 2: Tự đánh giá

Đánh dấu vào những kỹ năng bạn đã tự tin sử dụng.

- Tôi có thể tự giới thiệu bản thân.
- Tôi có thể hỏi và trả lời về quốc tịch.
- Tôi có thể hỏi và trả lời về nghề nghiệp.



**Chúc mừng! Bạn đã hoàn thành
bước đầu tiên trên hành trình
chinh phục tiếng Hàn.**

Bạn đã xây dựng thành công bộ công cụ tự giới thiệu cần thiết
để tạo ấn tượng chuyên nghiệp. Hãy sẵn sàng cho bài học tiếp theo.

Cảm ơn.